

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HAO NGUYEN
Last Middle First

Current Address: _____

Date of Birth: 10-6-1950 Place of Birth: QUANG-BINH

Previous Occupation (before 1975) Chiến úy, Sĩ Quan Không Trục Hành Quân
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1-5-1975 To 30-1-1981
Years: 5 Months: 8 Days: 29

3. SPONSOR'S NAME: HIEN-LEA
Name

Address and Telephone Number AUSTRALIA

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI OANH	1958	vợ
NGUYEN TRUONG KHOA	1982	con
NGUYEN THI TU TRINH	1985	con
NGUYEN THI MY LINH	1987	con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

Số : 048926



Họ và Tên : NGUYỄN - HAO

Cấp bậc : Thiếu-Uy

Số quân : 70/412.346

Loại máu : A

MẤU

08 08 08 QĐ-849

10.06. TTALAP. O. 2585

DẤU TAY

Ngón trỏ trái

Ngón trỏ mặt

Sanh ngày : 10 - 02 - 1950

Tại : QUANG-BINH

Con của Ông : Nguyen - Thien

và Bà : Nguyen-thi-Nguyen

KBC. 4125 ngày 15.10.72

Thống đốc Phòng Cảnh sát Viên

BỘ TÀI CHÍNH

* Ai mượn được Thẻ này xin chuyển
đến KBC ghi trên.

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 485/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

SHAD
GIẤY RA TRẠI

Thống nhất công từ số 988-SCN/TT ngày 31-5-1981 của Bộ Công an.
Thủ tướng An Văn, quyết định của số 06 ngày 1 tháng 1 năm 1981
Của: Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ, tên thật: Nguyễn Hảo

Họ, tên thường gọi: Nguyễn Hảo

Họ tên bí danh:

Sinh ngày 10 tháng 06 năm 1950

Nơi sinh: Quảng Bình

Nơi DMA thường trú: trước khi bị bắt: 103 B Ngụ Ông, Phan Thiết, Thuận Hải

Cán tội: Thiếu úy Sĩ quan không trụ địa phương quân.

Bị bắt ngày 1/5/1975

-An phạt: TTCT

Theo quyết định của văn số: năm tháng năm của:

Đã bị tước án: năm tháng năm tháng.

Đã được giảm án: năm tháng năm tháng.

Nay về cư trú tại 103 B Ngụ Ông Phan Thiết, Thuận Hải.

Nhận xét quá trình cải tạo:

Trong thời gian cải tạo ở trại anh Hảo đã cố gắng, trong lao động, học tập và chấp hành nội quy của trại nghiêm.

- Thời hạn án chế: tháng. (không)

- Thời hạn lương: 02 Ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)

Tiền và lương từ địa phương đã cấp đủ từ trại về đến gia đình.

Lần tay ngón trở lại

Ngày 10 tháng 1 năm 1981

Của: Nguyễn Hảo

PHÓ GIÁM TRỊ

Nơi được cấp

Giấy ký

Thiếu tá: Phan Hứa Phúc

SÁO Y BẢN CHIAH



Lạc Đạo ngày 6 tháng 2 năm 20
TM: U. B. N. D. PHƯƠNG
P, CHỦ TỊCH

Phan

Trần Hoa Nhì

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Huân Kiêm Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số
Ngày 25.12.81

Huyện, Quận Huân Thuận
Tỉnh, Thành phố Thuận Hải

Số 31/81
Quyển số 1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Hào

Nguyễn Thị Oanh

Bí danh Không có

Không có

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi 10.6.1950

08.8.1958

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Chế biến nước mắm

TCLT

Nơi đăng ký

Tổ 8 - TK 16 Phường

Đội 8 - HTX N° 1/Huân

nhân khẩu

Lạc đạo/Phạm Thiết

Kiên/Huân Thuận/

thường trú

Thuận Hải

Thuận Hải

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu 260466059

260105125

Đăng ký ngày 25 tháng 12 năm 1981

Người chồng ký

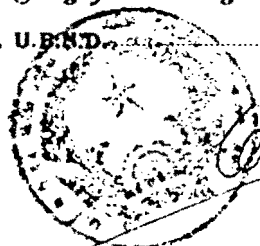
Người vợ ký

TM. UBND

Hào

Oanh

Nguyễn Hào Nguyễn Thị Oanh

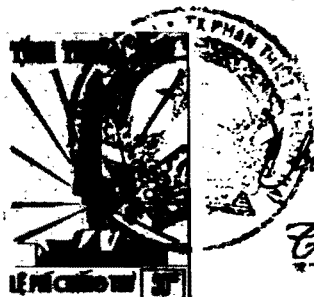


SAO Y BẢN CHỨC

Lạc Đạo ngày 6 tháng 2 năm 70

TRƯỜNG PHƯƠNG

P. CHỦ TỊCH



Trần Hòa Nhị

Trần Hòa Nhị

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HAO NGUYEN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 6 10 1950
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 103B NGU-ONG-LAC DAO PHAN THIET THUAN HAI
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1981
PLACE OF RE-EDUCATION: TRAI THU-DEU - 2.30D
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): CHE' BIEN NUOC MAM
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): THIEU-UY
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): SI QUAN KHONG TRU
HANH QUAN Date (nam): 1970
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): X
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 04
(Ten than nhan-thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 103B NGU-ONG LAC DAO
PHAN THIET THUAN HAI
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
HIEN-LEE AUSTRALIA
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): AUSTRALIA No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Anda
NAME & SIGNATURE: HIEN-LEE [Signature]
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) _____
AUSTRALIA
DATE: _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam) 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI OANH	1958	VỢ
NGUYEN TRUONG KHOA	1982	CON
NGUYEN THI TU TRINH	1985	CON
NGUYEN THI MY - LINH	1987	CON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : _____

CHỨNG CHỈ THỂ VÌ KHAI-SANH

Năm : 1964

Số : 4219

Của **NGUYỄN-HẢO**

Năm 1964 ngày 18 tháng 8 hồi 9 giờ.

Trước mặt chúng tôi là **NGUYỄN-THẾ-CƯỜNG** Chánh-Án

Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền Tỉnh Bình-Thuận ngồi tại Văn-phòng ở Phan-thiết
có ông **Vĩnh-Tử** Lục-sự giúp việc.

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN :

- 1/ **Nguyễn-văn-Thanh**
- 2/ **Nguyễn-văn-Hiệp**
- 3/ **Nguyễn-thị-Nga**

Những nhân chứng trên đây đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc

NGUYỄN-HẢO, con trai, sanh ngày mười, tháng sáu ,
năm một ngàn chín trăm năm mươi (10/6/1950).
Tại làng Ngòi-Hải, tỉnh Quảng-Bình là con của
ông Nguyễn-Uyển và bà Nguyễn-thị-Nguyễn.

và duyên cớ mà y không thể xin sao lục Khai sanh được là vì biến cố chiến
tranh bốn chính đã bị thất lạc. Một người chứng đã xác nhận như trên
nên chúng tôi cấp chứng chỉ này để thay thế giấy Khai sanh cho
NGUYỄN-HẢO chiếu theo điều 47 và 48 H.V Hộ luật
Các người chứng đã cùng chúng tôi và Ông Lục-sự ký tên ra sau.

Ký tên

Đã trước bạ

Tại Phan-thiết ngày 26-9-64

Quyển 12 Tờ 19 số 577

LỤC SAO Y :

Phan-thiết, ngày 19 tháng 12 năm 1967

Chánh Lục-Sự



Lệ phí mỗi bản sao 5 \$

6820/r

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường. Khe Tao
Huyện, Quận. Phước Ninh
Tỉnh, Thành phố. Chuẩn Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số. 10
Quyển số. 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ DANH Nam hay nữ NỮ
Ngày, tháng, năm sinh 08 tháng 8 năm 1958
Mười tám tháng tám năm một nghìn chín trăm năm mươi tám
Nơi sinh Hải Sung Hầm Chuẩn Bình Chuẩn
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thái Như</u>	<u>Nguyễn Văn</u>
Tuổi	<u>1920</u>	<u>1913</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Làm nông</u>
Nơi thường trú	<u>HTX.N. Hầm Kiên 1</u>	<u>HTX.N. Hầm Kiên 1</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Nguyễn Văn Sinh năm 1913
HTX.N. Hầm Kiên 1 Hầm Chuẩn Chuẩn Hải

Đăng ký ngày 07 tháng 02 năm 1990
TM ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 02 năm 1990
TM UBND
ngày 07 tháng 02 năm 1990
TM UBND PHƯỜNG
P CHỦ TỊCH
Trần Văn Nhí

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Hàm Kiềm.....
Huyện, Quận Hàm Thuận.....
Tỉnh, Thành phố Khánh Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số.....5.7.....
Quyển số..2.....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN TRƯỜNG KHOA Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Mùng bốn tháng mười hai năm một ngàn chín trăm tám mươi hai (04-12-1982)
Nơi sinh Nhà Hộ sinh khu vực A thị xã Phan Thiết
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Oanh</u>	<u>Nguyễn - Hải</u>
Tuổi	<u>1958</u>	<u>1950</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ + TCTL</u>	<u>Chế biến Nước Mắm</u>
Nơi thường trú	<u>Xã Hàm Kiềm</u>	<u>TK16 Lạc Đạo Phan Thiết</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thị Oanh Sinh năm 1958
HTX N² Hàm Kiềm 1 260105125

Đăng ký ngày 15 tháng 3 năm 1983

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

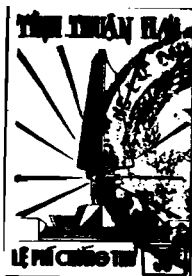
Lê Sát

(Ký tên và đóng dấu)

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Lưu giữ bản sao y này
Ngày 7 tháng 2 năm 1990



T/M UBND
CHỦ TỊCH
tên, đóng dấu

Trần Hòa Nhé

Xã, phường: Đà Nẵng

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 213

Huyện, Quận: Phước Ninh

Quyển số: 01

Tỉnh, Thành phố: Đà Nẵng



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên: NGUYỄN THỊ Tú Trinh Nam hay nữ: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày ba tháng ba năm một nghìn chín trăm tám mươi lăm (03-3-1985)

Nơi sinh: Nhà A Nhà Hồ sinh Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Oanh</u>	<u>Nguyễn - Hảo</u>
Tuổi	<u>1958</u>	<u>1950</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Chế biến Nước Mắm</u>
Nơi thường trú	<u>Hà Nội 16</u>	<u>Hà Nội 16 Đà Nẵng Phước Ninh - Phước Ninh Hải</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn - Hảo sinh năm 1950
Hà Nội 16 Đà Nẵng Phước Ninh - Phước Ninh Hải - 260456059

Đăng ký ngày 11 tháng 3 năm 1985

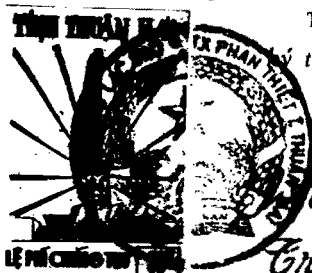
T/M Ủy Ban Nhân Dân

Người đứng khai

Nguyễn Thị Phê
(Ký tên và đóng dấu)

CHỨNG NHẬN SAO X BẢN CHÍNH

Ngày: 7 tháng 2 năm 1985



T/M UBND
CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nhô

Xã, phường... Lạc Đạo.....Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố... 234.....Huyện, Quận... Phan ThiếtQuyền số... 02.....Tỉnh, Thành phố... Thanh Hóa

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ MỸ-LINH Nam hay nữ NữNgày, tháng, năm sinh Ngày mười sáu tháng mười năm một nghìn tám trăm tám mươi bảy (16-10-1987)Nơi sinh Thường Lạc Đạo Phan Thiết Thanh HóaDân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Oanh</u>	<u>Nguyễn - Hảo</u>
Tuổi	<u>8-8-1958</u>	<u>10-10-1950</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Lạc động viên</u>
Nơi thường trú	<u>Hầm phố 30 Lạc Đạo</u>	<u>Hầm phố 30 Lạc Đạo</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn - Hảo sinh năm 1950Hầm phố 30 Lạc Đạo Phan Thiết - 250466059Đăng ký ngày 30 tháng 11 năm 1987

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

CHU-THIET

Người đứng khai

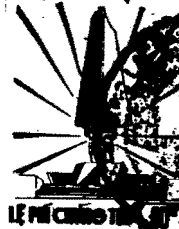
Nguyễn Thị Tuyết
(Ký tên và đóng dấu)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày _____ tháng _____ năm _____

TM UBND

THỊ TRẤN HẠ



Thị trấn Hạ, Thanh Hóa, năm 1990

TM: UBND PHƯỜNG

P CHỦ TỊCH

Trần Thị. Nhi

QUESTIONNAIRE FOR THE APPLICANT
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

Date, 01-2-1990
ngày.

Basic Identification Data
Ly lịch căn bản

- Name
Họ, tên : NGUYEN HAO

- Other name
Tên khác :

- Date/Place of Birth
Ngày, nơi sinh : 10-6-1950 QUANG-BINH

- Residence/Address
Địa chỉ thường trú : 103B NGUYEN-LAC DAO PHAN THIET THUAN KHAI

- Mailing address
Địa chỉ thư từ : 103B NGUYEN-LAC DAO PHAN THIET THUAN KHAI

- Current Occupation
Nghề nghiệp : KHE BIEN NUOC MAM

Relatives To Accompany me
Ba con cùng đi với tôi

NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relative eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or single (S)

LƯU Ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/thê (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ tên	Date of Birth Ngày/tháng/năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
NGUYEN THI OANH	1958	BINH THUAN	NỮ	CÓ CHỒNG	VỢ
NGUYEN TRUONG KHOA	1982	PHAN THIET	NAM	ĐỘC THÂN	CON
NGUYEN THI TU TRINH	1985	PHAN THIET	NỮ	ĐỘC THÂN	CON
NGUYEN THI MY LINH	1987	PHAN THIET	NỮ	ĐỘC THÂN	CON

NOTE : For the persons Listed above, we will need legible copies of birth certification, marriage certificates (if married), divorce (if divorced) cause's death certificate (if widowed) identification cards (if available) and photocopies. If any of the above accompanying relatives do not live with you please note their address in Section I below.

LƯU Ý : Cho mọi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thụ (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình địa chỉ của họ trong phần I.

RELATIVES OUTSIDE VIETNAM
HỌ HÀNG Ở NƯỚC NGOÀI

Closest Relative In the U.S :
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ :

a- Name
Họ và tên : NGUYEN XUAN PHUYEN

b- Relationship
Liên hệ gia đình : EM

c- Address
Địa chỉ :

Closest Relative in other Foreign Countries

Bà con thân thuộc ở các nước khác :

a- Name

Họ và tên : . . . HIEN - LEE

b- Relationship

Liên hệ gia đình : . . . EM. CON CẬU. RƯỢT

c- Address

Địa chỉ :

COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAT)

AUSTRALIA

DANH SÁCH TOÀN THỂ GIA ĐÌNH (sống/chết)

Name
Họ và tên

Address
Địa chỉ

Father

Cha : . . . NGUYEN - UYEN . (CHẾT)

Mother

Mẹ : NGUYEN - THI - NGUYEN . . . 103B. Ngã 3. Lạc Đạo. Phan Thiết . .

Spouse

Vợ/chồng : VỢ NGUYEN - THI - DẠCH . . . 103B. Ngã 3. Lạc Đạo. Phan Thiết . .

Former Spouse (If any)

Vợ/chồng trước (nếu có) :

Children

Con cái (1) : NGUYEN - TRUONG - KHOA . . . - nt -
(2) : NGUYEN - THI - TU - TRINH
(3) :
(4) : NGUYEN - THI - MY - LINH
(5) :
(6) :
(7) :
(8) :
(9) :
(10) :

Siblings

Anh chị em (1) : Anh Nguyen - Toàn LẠC ĐẠO PHAN THIẾT THUẬN HẠT
(2) : Chị Nguyễn Thị Huyền - nt -
(3) :
(4) : Nguyễn Thị Hồi - nt -
(5) : Em Nguyễn Thị Đồng - nt -
(6) :
(7) :
(8) :
(9) :
(10) :

Employment by U.S Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or Spouse :

Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1- Name of Person Employed

Tên họ nhân viên :

2- Date

From

To

Ngày, tháng, năm từ : 1- tới

2-

3-

4-

3- Title of (LAST) Positions Held

Chức vụ công việc : 1-

2-

3-

4-

4- Agency/Company/Office

Sở/hãng/văn phòng : 1-

2-

3-

4-

5-Name of (Last) Supervisor

Tên họ người Giám thị : 1-
2-
3-
4-

6- Reason for Leaving

Lý do ra đi : 1- THEO CHƯƠNG TRÌNH HO CỦA CHÍNH PHỦ
HOA-KY
2-
3-
4-

7- Training for Job in VIETNAM

Nghề nghiệp huấn luyện tại Việt Nam :

8- Service with GVN or RVNAF By you or your Spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ VN

- Name of person Serving

Họ tên người tham gia : . NGUYEN . T . HAO

- Dates

Ngày tháng năm

From

Từ 1970

To

Tới

1975

- Last Rank

Cấp bậc cuối cùng : . . . THIEU . UY

- Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn vị/Binh chủng : . . . BIET . DONG . QUAN / . BQ BINH

- Name of supervisor/C.O

Họ tên người Giám thị/Sĩ quan chỉ huy : ĐAI TA . NGUYEN VAN BIET

- Reason for Leaving

Lý do ra đi : . . . THEO CHƯƠNG TRÌNH HO CỦA CHÍNH PHỦ HOA-KY

- Names of American Advisor (s)

Họ tên cố vấn Mỹ : ĐAI TA . FOUR

- U.S Training Courses in Vietnam

Chương trình huấn luyện Hoa kỳ

tại Việt Nam :

- U.S Awards or Certificates

Giấy khen hay chứng thư do H.K cấp :

NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available .

Available ? Yes _____ No _____)

LƯU Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hay chứng thư nếu có
Đương sự có không ? Có _____ không _____

Training Outside Vietnam of you or your Spouse

Bạn hay vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc

1- Name of Student/trainer

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện :

2- School and School address

Trường và địa chỉ nhà trường :

3- Dates

Ngày, tháng, năm

From

Từ

To

Tới

4- Description of Courses

Mô tả ngành học :

5- Who paid for training ?

AI đài thọ chương trình huấn luyện ? :

NOTE : Please attach copies of diploms or orders, if available. Available?
Yes _____ No _____

LƯU Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hay ~~đĩa~~ chỉ thị nếu có, Bạn có hay không
có không

Re-education of you or your spouse
Bạn hay vợ/chồng đã học tập cải tạo :

- 1- Name or Person in Re-education
Họ tên người đi học tập cải tạo : N. NGUYEN - HAO
- 2- Total time in re-education
Tổng cộng thời gian học tập cải tạo : TỪ 1-5-1975 đến 30-1-1981.
- 3- Still in Re-education : Yes : No
Vẫn còn học tập cải tạo Có : Không : X
- 4- If released, we must have a copy of your release certificate (attached)
Nếu được thả, chúng tôi cần một giấy ra Trại .

Any additional Remarks?
Cước chú phụ thuộc .

Singnature Haoi Date
Ký tên Ngày . . . 15-2-1990

Please List here all documents attached to this questionnaire
Sín nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với sơ câu hỏi này .

- 03 giấy khai sinh của con
- 01 giấy khai sinh của vợ
- 01 giấy khai sinh của người nộp đơn
- 01 - Cầu Cưới Quân Nhân
- 01 - Giấy Công Nhận Kết Hôn
- 01 - Giấy Ra Trại



**Ford Motor Company
of Australia Limited**

(Incorporated in Victoria)

Registered Office: 1735 Sydney Road, Campbellfield, Victoria 3061

Broadmeadows Assembly Plant
Private Mail Bag 1,
Campbellfield, Victoria 3061
Telephone:

TO WHOM IT MAY CONCERN

THIS IS TO CERTIFY THAT **LE HIEU**

IS EMPLOYED BY THE FORD MOTOR COMPANY

AS **ASSEMBLER - LEADING HAND**

PERIOD OF EMPLOYMENT **18.4.79 AND STILL EMPLOYED AS AT 30.6.88**

WAGES: **\$ 372.20 GROSS PER WEEK**

**Employment Officer
Labour Relations & Payroll Personnel Department**



**Ford Motor Company
of Australia Limited**

(Incorporated in Victoria)

Registered Office: 1735 Sydney Road, Campbellfield, Victoria 3061

Year
1987 to
1988

Income Tax Assessment Act 1936
1988 Group Certificate

0 821 298 610

Employer

Group Number

FORD MOTOR COMPANY OF AUSTRALIA LTD

22536860

Employee (show Christian or given names in full)

Address of Employee

HIFN

LE

242856 95520

Column 1
Salary wages bonus,
commissions, etc. excluding
amounts in columns 2 & 3

Column 2
Traveling or other
allowances (give details)

Column 3
Lump sum payments
on termination of
employment (see back)

Column 4
Amounts included
in gross salary
(give details e.g. union dues)

Column 5
Tax payments deducted
(in figures)

28,962.63

48222.00

A 10.00
B 10.00
C

5435.31

17,964.12

Payments deducted (in words)

DOLLARS

CENTS

Thousands

Hundreds

Tens

Units

SEVEN

NINE

SIX

FOUR

.12

Employed for full year, state period employed

From 1/ 7/87 To 30/ 6/88

Signature of Authorised Person

Date 30/ 6/88

5-347

TRIPPLICATE

EMPLOYEE

This copy should be kept by
you for your own records.
Credit will NOT be allowed
on this copy.



No. ME8405507Z

COMMONWEALTH OF AUSTRALIA

Australian Citizenship Act 1948

Certificate of Australian Citizenship

I hereby certify that HIEN LE
born 11th November 1945
acquired Australian Citizenship pursuant to
section 13 of the Australian Citizenship Act 1948
on 8th May 1985

Minister of State for Immigration
and Ethnic Affairs

CAS-
056201

■ POSTPAK

■ POSTPAK

POSTPAK

POST

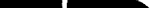
POST

POST

POST

POST

POST

POST

POSTPAK

■POSTPAK

POSTPAK

PRINTED LETTER

MAY 22 1990

TO:

P.O. Box. 5435

ARLINGTON.

U.A. 22205.0635

U. S. A.

Please include Postcode.



FROM: HIEN-LE

AUSTRALIA

POSTPAK Tough Bag
Size B2 216mm x 304mm



POSTPAK

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; ~~Letter~~ 6/5/90